TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/KDTM-PT
Ngày: 17/3/2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai
Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 254/2024/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2024 về: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 70/2024/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2372/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Q
Địa chỉ: Số 42 đường Đ, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Số 45A Đường số 4, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần K
Địa chỉ: Số 103 đường L, Ấp 3, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N
Địa chỉ liên lạc: căn hộ A0406 tòa nhà S, 34-36 B, phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Từ Hữu P, sinh năm 1978
Địa chỉ: Số 370/15 Khu phố 10, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2/ Ông Phan Văn L, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 7/5B Ấp 3, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 15/12/2022, Công ty TNHH Q (sau đây viết tắt là Công ty Q) và Công ty Cổ phần K (sau đây viết tắt là Công ty K) có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 1512/HĐKT/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 15/12/2022.

Theo Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đã được hai bên ký kết thì Công ty Q cung cấp vật tư (bán) cho Công ty K (bên mua) khi Công ty K gửi đơn đặt hàng Công ty Q sẽ giao hàng đến công trình cho Công ty K. Định kỳ hai bên chốt khối lượng và thanh toán tiền hàng vào ngày 15 hàng tháng và cuối tháng. Các vật liệu mà Công ty Q bán cho Công ty K là các vật liệu như cát, đá, gạch, xi măng và sắt... theo đơn giá được quy định tại Phụ lục hợp đồng ngày 15/12/2022. Riêng đối với vật liệu xây dựng là cát thì các bên tính đơn giá trên m^3. Trong Hợp đồng, các bên không có thỏa thuận xác định loại xe, chủng xe để chở vật liệu xây dựng để làm căn cứ tính m^3. Thực tế, trong các đợt giao hàng ban đầu thì Công ty Q sử dụng xe tải để vận chuyển cát, đá cho Công ty K. Đại diện Công ty K có tới và đo khối lượng hàng trên xe để tính ra m^3. Khi Công ty K yêu cầu giao hàng tới công trình 979 và Tòa nhà 1603 thì do đường nhỏ xe tải không vào được nên phải dùng xe ba gác để vận chuyển vật liệu vào nên hai bên thống nhất sử dụng xe ba gác và Công ty K không có người xuống kiểm tra khối lượng. Khi hàng hóa giao tới công trình được đại diện Công ty K đồng ý ký vào biên nhận xác nhận đã nhận đủ hàng.

Cụ thể, Công ty Q đã giao hàng và chốt công nợ với Công ty K các đợt như sau:

- Từ ngày 01/11/2023 đến 15/11/2023:

Tại công trình 979: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 13.627.000 đồng.

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục 820: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 126.755.000 đồng.

- Từ ngày 16/11/2023 đến 30/11/2023:

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục 820: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 94.185.000 đồng.

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục vòm cây xanh: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 23.305.000 đồng.

- Từ ngày 01/12/2023 đến 15/12/2023:

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục vòm cây xanh: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 19.470.000 đồng.

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục 820: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 5.635.000 đồng.

- Từ ngày 16/12/2023 đến 31/12/2023:

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục 820: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 67.605.000 đồng.

- Từ ngày 01/01/2024 đến 15/01/2024:

Tại công trình tòa nhà 1063 hạng mục 820: Công ty Q cung cấp vật tư với tổng số tiền 20.352.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty K còn nợ lại là 370.934.500 đồng. Ngày 11/01/2024, Công ty K đã thanh toán số tiền 14.152.900 đồng. Như vậy, số tiền Công ty K còn nợ lại số tiền 356.781.600 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu đối với tiền hàng của xe chở cát ngày 29/12/2023 là 370.000 (Ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Công ty Q yêu cầu Công ty K trả toàn bộ số tiền còn lại 356.411.600 đồng, yêu cầu trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Công ty Q không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Hoàng L trình bày:

Công ty K xác nhận có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 1512/HĐKT/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 15/12/2022 với Công ty Q. Theo Hợp đồng, các bên không có thỏa thuận xác định loại xe, chủng xe chở vật liệu xây dựng để làm căn cứ tính m^3.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q đã cung cấp các vật liệu cho các công trình cho Công ty K và Công ty K cũng đã thanh toán cho Công ty Q theo từng đợt báo công nợ.

Thực tế, trong các đợt giao hàng ban đầu, Công ty Q sử dụng xe tải để vận chuyển cát, đá cho Công ty K. Đại diện Công ty K có tới và đo khối lượng hàng trên xe để tính ra m^3. Tuy nhiên, đến khi Công ty K thi công công trình 979 và tòa nhà 1603 thì do đường nhỏ xe tải không vào được hai bên thống nhất sử dụng xe ba gác để vận chuyển vật liệu cát và đá vào công trình. Khi hàng hóa giao tới công trình, đại diện Công ty K ký vào biên nhận xác nhận đã nhận vật liệu.

Ngày 29/12/2023, khi nhân viên Công ty Q vận chuyển cát tới công trình, nhân viên của Công ty K kiểm tra khối lượng cát trên xe thì phát hiện khối lượng cát thực tế không đúng với Biên nhận giao hàng nên Công ty K lập biên bản nghiệm thu hàng hóa ngày 29/12/2023. Sau đó, Công ty K đã thông báo cho Công ty Q và các bên tiến hành mở cuộc họp nhưng không thống nhất cách giải quyết.

Công ty K đã gửi bảng kê khối lượng cho Công ty Q tính lại khối lượng cát và đá bị hao hụt (xe chở không đúng khối lượng) để xác định số tiền mà Công ty K đã thanh toán dư cho Công ty Q theo từng đợt thanh toán trước đây. Số tiền mà Công ty K đã thanh toán dư cho Công ty Q là 336.429.100 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn xác nhận, Công ty K chỉ còn nợ Công ty Q số tiền 20.352.500 đồng, Công ty K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Q.

Tại bản tự khai ngày 26/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L trình bày:

Ông Phan Văn L xác nhận ông L nhân viên của Công ty K, có nhiệm vụ mua hàng, kiểm tra khối lượng và chốt công nợ vào giữa tháng và cuối tháng. Theo Biên bản nghiệm thu hàng hóa/dịch vụ ngày 29/12/2023, ông L là người kiểm tra và ký vào biên bản.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa Công ty Q và Công ty K, Công ty Q đã nhiều lần chở cát và đá tới các công trình của Công ty K, và những lần này ông H chỉ kiểm tra số lượng xe chở chứ không kiểm tra khối lượng thực tế. Riêng ngày 29/3/2023, ông L cùng ông Từ Hữu P (phó phòng thu mua của Công ty K) cùng ông Trần Ngọc H (lái xe chở cát của Công ty Q) kiểm tra khối lượng cát trên xe được chở tới theo cách tính như sau: Chiều dài x chiều rộng x chiều cao của thùng xe = khối lượng cát trên xe. Sau khi đo kết quả như sau với tỉ lệ 148cm x 110cm x 30cm = 0,49 m^3 (khối lượng cát thực tế trên xe). Ông L không nhớ thực tế ngày 29/12/2023, Công ty Q đã chở được bao nhiêu xe cát và xe đá, ông L chỉ nhớ đo khoảng 02 đến 03 xe thì phát hiện khối lượng không đúng theo Hợp đồng, ông L đã đề nghị ông H lái xe liên hệ với giám đốc Công ty đến để làm việc nhưng ông H không báo. Vì vậy ông L cùng ông P mới lập biên bản nghiệm thu hàng hóa/ dịch vụ ngày 29/12/2023 cùng với ông H ký tên vào biên bản.

Ông L hiện nay đã nghỉ việc tại Công ty K. Đối với tranh chấp giữa hai bên ông L không có ý kiến và cũng không có yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Hữu P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P không có gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại Bản án số 70/2024/KDTM-ST ngày 23/9/2024, Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền xe cát ngày 29/12/2023, số tiền 370.000 (Ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên bố Hợp đồng nguyên tắc số 1512/HĐKT/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 15/12/2022 giữa Công ty TNHH Q và Công ty Cổ phần K chấm dứt.

Buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền còn lại là 356.411.600 (Ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười một ngàn sáu trăm đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc số 1512/HĐKT/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 15/12/2022.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/10/2024, bị đơn là Công ty K có đơn kháng cáo xác định đã thanh toán đủ tiền cho Công ty Q và hai bên không còn công nợ, đề nghị sửa bản án sơ

thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự trình bày ý kiến:

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc giao không đủ hàng chỉ xảy ra vào thời điểm ngày 29/12/2023, do đường vào công trình của bị đơn không thể di chuyển bằng xe tải nên nguyên đơn đã phải thuê phương tiện vận chuyển là xe ba gác để trung chuyển và không hề tính thêm chi phí. Bị đơn chỉ từ sai sót của một ngày 29/12/2023 để suy ra cả thời gian hai năm các bên giao dịch không đúng mặc dù đều có ký nhận hàng với nhau là không có căn cứ. Mặt khác, nguyên đơn cũng đã rút phần yêu cầu thanh toán tiền cát của ngày 29/12/2023 mà bị đơn cho rằng nguyên đơn giao không đúng khối lượng. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn đã nêu ra ý kiến yêu cầu giám định nhưng sau đó cũng rút lại yêu cầu này. Vì vậy, tại phiên tòa này bị đơn lại tiếp tục yêu cầu giám định đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Bị đơn chỉ kháng cáo đối với nội dung của bản án sơ thẩm về việc buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 356.411.600 đồng. Bị đơn cho rằng nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng thiếu, không đúng với khối lượng cam kết. Cụ thể, bị đơn đã phát hiện việc sai phạm này của nguyên đơn vào ngày 29/12/2023 khi nguyên đơn giao hàng bằng xe ba gác. Từ sai phạm của nguyên đơn vào ngày 29/12/2023, bị đơn có thể suy ra rằng nguyên đơn đã giao hàng thiếu vào những thời gian trước đây. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ mới nào để cung cấp cho Hội đồng xét xử. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn phiên tòa để giám định khối lượng cát mà nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn từ đó mới tính được khối lượng cát phải thanh toán thực tế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phần yêu cầu tuyên bố Hợp đồng nguyên tắc 1512 chấm dứt tại Bản án sơ thẩm không được nguyên đơn yêu cầu trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị huỷ phần nội dung này của cấp sơ thẩm. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên các nội dung còn lại của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 23/9/2024, Tòa án nhân dân huyện N ban hành Bản án số 70/2024/KDTM-ST. Ngày 04/10/2024, bị đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần K là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH Q khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá đối với bị đơn là Công ty Cổ phần K có trụ sở tại số 103 L, ấp 3 xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Bị đơn kháng cáo Nội dung bản án sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 356.411.600 đồng là không có căn cứ vì cho rằng nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng thiếu, không đúng với khối lượng cam kết. Cụ thể, bị đơn đã phát hiện việc sai phạm này của nguyên đơn vào ngày 29/12/2023 khi nguyên đơn giao hàng bằng xe ba gác. Từ sai phạm của nguyên đơn vào ngày 29/12/2023, bị đơn có thể suy ra rằng nguyên đơn đã giao hàng thiếu vào những thời gian trước đây. Bị đơn không có tài liệu chứng cứ mới nào để cung cấp cho Hội đồng xét xử. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn phiên tòa để giám định khối lượng cát mà nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn từ đó mới tính được khối lượng cát phải thanh toán thực tế. Hội đồng xét xử xem xét ý kiến này của bị đơn như sau: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện hợp đồng trong thời gian dài, sai phạm của nguyên đơn chỉ được bị đơn chứng minh bằng một phiếu kiểm tra hàng vào ngày 29/12/2023. Ngoài ra, bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn đã giao hàng sai số lượng trong các thời gian còn lại khi thực hiện hợp đồng. Tại phiên tòa bị đơn cũng xác nhận chỉ xác định được nguyên đơn giao hàng sai vào ngày 29/12/2023. Do đó, bị đơn cho rằng có quyền suy ra nguyên đơn đã giao hàng không đủ khối lượng vào các lần giao hàng trước đây khi bị đơn không kiểm tra. Bị đơn không có tài liệu nào chứng minh cho ý kiến và yêu cầu của mình. Ngược lại, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng dựa trên các phiếu giao nhận hàng hoá được các bên ký kết với nhau, bị đơn đã thực hiện thanh toán một phần. Như vậy, ý kiến của bị đơn là không có căn cứ, nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền hàng 356.411.600 đồng

là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Từ những phân tích ở trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Nhận định của Viện kiểm sát về việc Cấp sơ thẩm tuyên chấm dứt hợp đồng 1512 mặc dù nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu này là vượt quá yêu cầu khởi kiện và đề xuất huỷ một phần bản án và đình chỉ đối với phần tuyên án này của cấp sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Những đề xuất còn lại của Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên nội dung còn lại của Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 38, điểm b Khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Huỷ và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm về việc tuyên Hợp đồng nguyên tắc số 1512/HĐKT/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 15/12/2022 giữa Công ty TNHH Q và Công ty Cổ phần K chấm dứt.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền xe cát ngày 29/12/2023, số tiền 370.000 (Ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho Công ty TNHH Q số tiền còn lại là 356.411.600 (Ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm mười một ngàn sáu trăm) đồng theo Hợp đồng nguyên tắc số 1512/HĐKT/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 15/12/2022.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 17.820.580 (Mười bảy triệu tám trăm hai mươi ngàn năm trăm tám mươi đồng), Công ty Cổ phần K phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.273.362 (Chín triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm sáu mươi hai đồng) theo Biên lai thu số AA/2023/0007988 ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án phí phúc thẩm:

Bị đơn, Công ty Cổ phần K phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0018161 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN**	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA THẨM PHÁN**
Hoàng Thị Bích Thảo	**Lưu Thị Đoan Trang**	**Phùng Thị Như Mai**